

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST

Ngày: 22-3-2022

V/v tranh chấp dân sự “Hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Bích Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ngân
2. Ông Nguyễn Đình Phùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 322/2020/TLST-DS ngày 16/11/2020, về tranh chấp dân sự “Hợp đồng góp hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2021/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

*1.1* Bà Lê Thị N, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Tổ 07, ấp Phú Th B, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

*1.2* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1932.

Do bà Lê Thị Á sinh năm 1949 là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 19 ngày 18/3/2022).

*1.3* Bà Lê Thị Ân, sinh năm 1949.

Cùng cư trú: Tổ 11, ấp Phú Th B, xã Phú L huyện Phú T, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Kim Ph (Sáu M), sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp Phú L, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang

( Bà N, bà Á có mặt; bà Ph vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Lê Thị N trình bày:*

Giữa bà với bà Nguyễn Kim Ph (Sáu M) không họ hàng gì, chỉ quen biết cùng xóm. Vào năm 2019 bà có tham gia chơi hội do bà Ph làm chủ với các dây cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất khai ngày 10/7/2019 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khi 01 lần, gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần, hội khai đến lần thứ 6 thì bà Ph tuyên bố vỡ hội. Số tiền bà đã châu và được hưởng trong dây hội này 6 lần  $\times 1.000.000 = 6.000.000$  đồng.

- Dây thứ hai hội khai ngày 10/7/2019 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, 15 ngày (nửa tháng) khai một lần, gồm 30 phần, bà tham gia 01 phần, khai hội đến lần thứ 13 thì bà Ph tuyên bố vỡ hội, số tiền bà đã châu và được hưởng trong dây hội này là 13 lần  $\times 1.000.000$  đồng = 13.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà Ph (Mum) có tham gia (là hội viên) do bà (N) còn làm chủ hội 01 dây hội ngày (25/8/2019), hội 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai 1 lần, gồm 29 phần, bà Ph 01 phần, hội khai đến lần thứ 3 (ngày 25/10/2019) thì bà Ph hốt được số tiền 58.100.000 đồng (sau khi trừ hoa hồng là 1.200.000 hoa hồng), bà đã giao tiền hội đầy đủ cho bà Ph, (có bà Á, bà Thúy, bà Gấm là các hội viên tham gia biết chứng kiến) đến nay hội đã mãn. Số tiền hội chết bà Ph phải châu là 24 lần nhưng bà Ph không châu lần nào nên còn nợ bà là 24 lần  $\times 3.000.000 = 72.000.000$  đồng.

Tổng cộng bà Nguyễn Kim Ph còn nợ tiền hội của bà 91.000.000 đồng. Nay yêu cầu bà Nguyễn Kim Ph trả cho bà số tiền hội còn nợ là 91.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*2/ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Á và ông Đặng Văn T (do bà Á đại diện) trình bày:*

Giữa vợ chồng bà với bà Nguyễn Kim Ph (Sáu M) không họ hàng gì, chỉ quen biết cùng xóm. Vào năm 2018, 2019 vợ chồng bà có tham gia chơi hội do bà Ph làm chủ với 05 dây hội cụ thể như sau:

- Dây hội khai ngày 20/9/2018 (âm lịch), loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 2 lần (1/2 tháng/khai 1 lần), gồm 28 phần, bà tham gia 01 phần, (theo danh sách hội ghi Tn Năm T), hội khai đến lần thứ 16 thì bà Ph tuyên bố bế hội (khoảng tháng 01/2020 âm lịch) và bỏ đi đến nay. Số tiền bà đã châu và được hưởng trong dây hội này 16 lần  $\times 1.000.000 \times 2 = 32.000.000$  đồng.

- Dây hội khai ngày 15/01/2019 (âm lịch), hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 2 lần, gồm 30 phần, bà tham gia 02 phần, hội khai đến lần thứ 26 thì bà Ph tuyên bố bế hội và bỏ đi đến nay. Số tiền bà đã châu và được hưởng trong dây hội này 26 lần  $\times 1.000.000 \times 2$  phần = 52.000.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 06/4/2019 (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần, khui hụi đến lần thứ 10 thì bà Ph tuyên bố bế hụi và bỏ đi đến nay. Số tiền bà đã châu và được hưởng trong dây hụi này 10 lần  $\times$  2.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 10/7/2019 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 2 lần, gồm 30 phần, bà tham gia 01 phần, khui hụi đến lần thứ 13 thì bà Ph tuyên bố bế hụi và bỏ đi đến nay. Số tiền bà đã châu và được hưởng trong dây hụi này 13 lần  $\times$  1.000.000  $\times$  = 13.000.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 20/10/2019 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 2 lần, gồm 28 phần, bà tham gia 01 phần, khui hụi đến lần thứ 6 thì bà Ph tuyên bố bế hụi và bỏ đi đến nay. Số tiền bà đã châu và được hưởng trong dây hụi này 6 lần  $\times$  1.000.000  $\times$  = 6.000.000 đồng.

Tổng cộng bà Nguyễn Kim Ph còn nợ của ông bà tiền hụi là 107.000.000 đồng (16.000.000đ + 52.000.000đ + 20.000.000đ + 13.000.000đ + 6.000.000đ)

Nay yêu cầu bà Nguyễn Kim Ph trả cho ông bà số tiền hụi còn nợ là 107.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Kim Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, niêm yết văn bản tố tụng để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng vẫn không có mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, không gửi ý kiến bằng văn bản nên không ghi nhận ý kiến.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự theo khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa có đủ căn cứ để xác định giữa các nguyên đơn và bị đơn có phát sinh tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Các nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả tiền hụi cho các nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Các nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả tiền hội nên Tòa án xác định tranh chấp dân sự Hợp đồng góp hội theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Phú Lợi, xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Bị đơn bà Nguyễn Kim Ph đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 trở lên nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn cũng không có văn bản liên quan đến việc áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[2] Về nội dung: Các nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Kim Ph trả tiền hội còn nợ cho các nguyên đơn, cụ thể như sau:

- Bà Lê Thị N 91.000.000đ

- Bà Lê Thị Á và ông Đặng Văn T là 107.000.000đ.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Xét thấy hợp đồng góp hội giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy nhận hội, lời khai của các hội viên có tham gia chơi hội chung với nhau, các giấy hội có nội dung giống nhau giữa các hội viên là nguyên đơn trong vụ kiện. Tòa án đã triệu tập họp lệ để tiến hành các thủ tục tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến gì về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý. Căn cứ vào nội dung các giấy hội, lời khai của những người làm chứng (là hội viên) phù hợp với lời trình bày của các nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, thì có đủ cơ sở để xác định bị đơn còn nợ các nguyên đơn số tiền hội tổng cộng 198.000.000 đồng (bà N là 91.000.000đ, bà Á, ông T là 107.000.000đ). Cho đến thời điểm xét xử, bị đơn cũng không cung cấp cho Tòa án được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền trên. Việc bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án chỉ căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong vụ án để giải quyết. Lẽ ra, phải điều chỉnh số

tiền lãi trên tiền vốn gốc thực nộp, nhưng do các nguyên đơn không nhớ rõ từng lần châu, không làm việc đối chất được với bị đơn, thời gian đã lâu số tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật nhiều, nên yêu cầu của các nguyên đơn là phù hợp được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự.

+ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ân và ông Đặng Văn T về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

- Buộc bà Nguyễn Kim Ph (Sáu M) phải trả bà Lê Thị N số tiền hụi là 91.000.000đ.

- Buộc bà Nguyễn Kim Ph (Sáu M) phải trả bà Lê Thị Ân và ông Đặng Văn T số tiền hụi là 107.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền) thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

### **2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Các nguyên đơn không phải chịu tiền án phí và đã được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định (người cao tuổi) và có đơn xin miễn giảm án phí.

Bà Nguyễn Kim Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.900.000 đồng.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Ph được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h. Phú Tân, AG;
- Chi cục THADS h. Phú Tân, AG;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Dương Bích Tuyên**